TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
T PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **51**/2023/HS-ST
Ngày: 16/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, T PHỐ HỒ CHÍ MINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nữa.

Ông Lê Tấn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị My Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn Q** (tên thường gọi là BG); Sinh ngày: 05/01/2003; Tại: Tỉnh Kiên Giang; Thường trú: Ấp NQ, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C và bà: Nguyễn Thị Kim L; Có vợ: Là bà Trần Thảo V (không đăng ký kết hôn) và con: Có 01 người con, sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/8/2022.

Nhân thân: Ngày 23/7/2019, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 144/2019/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/6/2021 và đã thi hành xong án phí ngày 25/9/2019 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 582/GCN của Trại giam Long Hòa và Công văn trả lời xác minh số: 2273/CCTHADS ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. **Ninh Thịnh Đ** (tên thường gọi là BĐ); Sinh ngày: 02/01/2000; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 71/2/9 đường PTC, phường ALA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp:

Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ninh Ping K (chết) và bà: Loạc V; Có vợ: Là bà Huỳnh Ngọc N (không đăng ký kết hôn) và con: Có 01 người con, sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/8/2022.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. **Phạm Đức A**; Sinh ngày: 15/11/1999; Tại: Tỉnh Bắc Ninh; Thường trú: 497/27 đường HL2, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Trung T và bà: Phạm Thị H; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/8/2022.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:*

Ông Nguyễn Thanh S; Sinh năm: 1963; Thường trú: Khu B, ấp QB, xã QT, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: 130/18 đường NVL, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Minh Ph; Sinh năm: 1985; Trú tại: 157/52/10 đường MXT, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Trần Khải H; Sinh năm: 1988; Trú tại: 165/2 đường TT, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn Q; Sinh năm: 1961; Thường trú: 260/45D đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 237/4C đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Trịnh T; Sinh năm: 1966; Trú tại: 995/106/1 đường HB, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Ông Lý Văn Th; Sinh năm: 1974; Thường trú: Ấp CLA, xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: 13/13 đường số 1, phường ALA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Ông Hoặc Mạc T1; Sinh năm: 1990; Trú tại: 914 đường LG, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

7. Hộ kinh doanh xe máy MP; Địa chỉ: 542 đường MP, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện Hộ kinh doanh*: Bà Nguyễn Ngọc Minh Ph; Sinh năm: 1991; Thường trú: 1593/13B đường PTH, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 542 đường MP, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

8. Ông Trần Minh Q; Sinh năm: 1993; Trú tại: 43/9 đường ĐBP, Phường O, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

9. Ông Vũ Trung H; Sinh năm: Không rõ; Thường trú: 873 đường TKTQ, phường BHHA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

10. Ông Đặng Nhật Tr; Sinh năm: Không rõ; Thường trú: 37 đường RCBL, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

11. Ông Nguyễn Phước L; Sinh năm: 1977; Thường trú: 450/34 đường DBT, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 32/3A tổ I, ấp C, xã XTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

12. Bà Phạm Thị L; Sinh năm: 1974; Thường trú: Ấp NH, xã HN, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở: 32/3A tổ I, ấp C, xã XTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/6/2022, Ông Nguyễn Thanh S đến Công an Phường J, Quận F trình báo việc ông bị mất 07 chiếc xe ba gác máy có các biển số 60P6-6003, 61L7-7612, 61L6-5236, 60Y2-2139, 60Y3-6596, 60Y3-2276, 61L8-0379 tại bãi giữ xe số 130/18 đường NVL, Phường J, Quận F, đồng thời giao nộp 01 USB chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh các đối tượng đột nhập bãi giữ xe vào khuya này 27/6/2022 lấy trộm 07 chiếc xe ba gác trên.

Vụ việc được Công an Phường J, Quận F chuyển giao Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Từ nguồn tin thu thập được, Cơ quan điều tra triệu tập Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A lên trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, cả ba đều khai: Khoảng 23 giờ ngày 26/6/2022, Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A đến phòng trọ của T (không rõ lai lịch), địa chỉ số 43/3 đường TPP, phường BTĐ, quận BT chơi. Tại đây, T rủ Q, Đ, A đi lấy trộm xe ba gác máy bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, tất cả đồng ý. Đến 01 giờ ngày 27/6/2022, Đức A điều khiển xe gắn máy hiệu Raider màu đỏ (không rõ biển số) chở T cầm theo dụng cụ bẻ sắt (gồm 01 cây tu vit, 01 cây càng cua) chạy trước dẫn đường; Đ điều khiển xe gắn máy hiệu Raider, biển số 50N1-52267 chở Q chạy theo sau.

Khi đến bãi giữ xe của Ông Nguyễn Thanh S tại địa chỉ 130/18 đường NVL, Phường J, Quận F, Đ và Đức A đứng ngoài cảnh giới. Còn T dùng dụng cụ bẻ sắt phá khóa, mở cửa cùng Q đột nhập vào trong thì phát hiện có nhiều chiếc xe ba gác máy. Quan sát xung quanh thấy không có ai, T đến nối dây điện, nổ máy 01 chiếc xe rồi đẩy ra cổng. Xong, T quay lại chỉ cho Q cách nối dây điện, nổ máy 01 chiếc xe khác đẩy ra ngoài. T và Q mỗi người điều khiển 01 chiếc xe ba gác; Đ và Đức A mỗi người điều khiển 01 chiếc xe gắn máy cùng đem 02 chiếc xe ba gác về bãi giữ xe kế bên địa chỉ 4389 đường NCP, phường TTA, quận BT cất giấu. Và cũng với thủ đoạn tương tự, T, Q, Đ, Đức A đã quay lại bãi giữ xe của Ông Nguyễn Thanh S lấy thêm 05 chiếc xe ba gác máy đem về tập kết tại bãi đất trống đối diện địa chỉ số 13 đường số 6E, phường BTĐB, quận BT. Sau đó, cả nhóm đem 02 chiếc xe ba gác đến bãi giữ xe kế bên địa chỉ 4389 đường NCP, phường TTA, quận BT gửi, còn 03 chiếc thì đem gửi tại bãi giữ xe, địa chỉ 633 đường TVG, phường TTA, quận BT. Đến sáng cùng ngày, Q liên lạc với một người tên U nhờ bán 07 chiếc xe ba gác vừa lấy trộm với giá 107.000.000 đồng. Đến 11 giờ ngày 28/6/2022, Q điều khiển xe gắn máy biển số 59L3-134.40 đến gặp U tại địa chỉ 4541/13A đường Hương lộ 2, phường BTĐB, quận BT nhận tiền, nhưng do bên mua chưa trả đủ nên U đưa trước cho Q 80.000.000 đồng. Q cho U 8.000.000 đồng, trả tiền ăn uống chung cho cả nhóm 3.000.000 đồng, chia cho Đức A, Đ, T mỗi người 23.000.000 đồng, còn phần của Q là 27.000.000 đồng mà bên mua xe còn nợ.

Tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ tại phòng trọ số 43/3 đường TPP, phường BTĐ, quận BT và phòng trọ số 346/9C đường ML, phường BTĐA, quận BT , Cơ quan điều tra đã thu giữ các trang phục mà Q, Đ cùng đồng bọn mặc lúc lấy trộm tài sản ngày 27/6/2022.

Ngày 30/6/2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 phối hợp cùng Công an xã XTT, huyện HM kiểm tra hành chính nơi ở của Nguyễn Phước L tại nhà số 32/3A tổ I, ấp C, xã XTT, huyện HM, đã thu giữ 03 chiếc xe ba gác máy biển số 61L7-7612, 60P6-6003, 61L6-5236, là tài sản bị mất trộm ngày 27/6/2022.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Phước L khai: Ngày 28/6/2022, L nhận được điện thoại từ người bạn tên Ph (không rõ lai lịch) hỏi có mua xe ba gác máy không. Sau khi coi xe thấy có biển số đầy đủ và Ph cam kết là xe có nguồn gốc rõ ràng, nên L đồng ý mua với giá mỗi chiếc là 15.500.000 đồng rồi đem gửi tại bãi giữ xe gần nhà, đồng thời gọi điện thoại nhờ bà Phạm Thị L (vợ của L) chuyển tiền vào số tài khoản 1013802369 mở tại Ngân hàng NT (chủ tài khoản là Phạm Hoài Ph). L xác nhận, L hoàn toàn không biết 03 chiếc xe ba gác này là tài sản do phạm tội mà có.

Qua làm việc với các ông Nguyễn Minh Ph, Trần Khải H, Nguyễn Văn Q, Trịnh T, Lý Văn Th, Hoặc Mạc T1 (chủ sở hữu 07 chiếc xe ba gác máy bị mất) được biết: Thường ngày các ông gửi xe tại bãi xe số 130/18 đường NVL, Phường J, Quận F với giá 500.000 đồng/chiếc/tháng, người đứng ra thu tiền và trông giữ

xe là ông Nguyễn Thanh S, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có giấy tờ, hợp đồng gửi giữ. Về nguồn gốc xe, các ông đều khai mua cũ lại của người khác, khi mua thì thấy xe có biển số và có giấy đăng ký xe phù hợp biển số nên các ông không nghi ngờ gì và do bận công việc nên các ông chưa đi sang tên.

Ông Nguyễn Thanh S khai cũng tương tự và xác nhận 07 chiếc xe ba gác máy bị mất (có các biển số 60P6-6003, 61L7-7612, 61L6-5236, 60Y2-2139, 60Y3-6596, 60Y3-2276, 61L8-0379) là của các ông Nguyễn Minh Ph Trần Khải H, Nguyễn Văn Q, Trịnh T, Lý Văn Th, Hoặc Mạc T1 gửi cho ông tại bãi xe số 130/18 đường NVL, Phường J, Quận F với giá 500.000 đồng/chiếc/tháng và bãi xe này do ông trực tiếp quản lý.

Tại các Kết luận định giá tài sản số: 59/KL-HĐĐGTS ngày 21 tháng 7 năm 2022, số: 39/KL-HĐĐGTS ngày 06 tháng 4 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của 07 chiếc xe ba gác máy bị chiếm đoạt tại thời điểm ngày 27/6/2022 như sau:

- 01 xe ba bánh biển số 61L6-5236 (ông Nguyễn Minh Ph khai mua khoảng tháng 6/2022 với giá 25.000.000 đồng, tình trạng sử dụng còn khoảng 85%) có giá là: 18.201.000 đồng.

- 01 xe ba bánh biển số 61L7-7612 (ông Trần Khải H khai mua khoảng tháng 6/2022 với giá 18.000.000 đồng, tình trạng sử dụng còn khoảng 80%) có giá là: 14.000.000 đồng.

- 01 xe ba bánh biển số 60P6-6003 (ông Nguyễn Văn Q khai mua khoảng tháng 12/2022 với giá 22.000.000 đồng, tình trạng sử dụng còn khoảng 80%) có giá là: 14.000.000 đồng.

- 01 xe ba bánh (ông Trịnh T khai mua khoảng tháng 5/2021 với giá 46.000.000 đồng, tình trạng sử dụng còn khoảng 80%) có giá là: 14.000.000 đồng.

- 01 xe ba bánh (ông Lý Văn Th khai mua khoảng tháng 01/2020 với giá 48.000.000 đồng, tình trạng sử dụng còn khoảng 70%) có giá là: 14.000.000 đồng.

- 01 xe ba bánh (ông Nguyễn Minh Ph khai mua khoảng tháng 6/2022 với giá 25.000.000 đồng, tình trạng sử dụng còn khoảng 85%) có giá là: 14.000.000 đồng.

- 01 xe ba bánh (ông Hoặc Mạc T1 khai mua khoảng tháng 5/2018 với giá 35.000.000 đồng, tình trạng sử dụng còn khoảng 70%) có giá là: 14.000.000 đồng.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, Cơ quan điều tra quyết định trưng cầu giám định: 07 Giấy «Đăng ký mô tô, xe máy»: Số 021379, biển số 61L7-7612, đứng tên Đỗ Văn L, đề ngày 18/4/2008 (ký hiệu A1); số 011636, biển số 60P6-6003, đứng tên Trương Văn Kh, đề ngày 14/10/2008 (ký hiệu A2); số 021379, biển số 61L6-5236, đứng tên Trần Vũ Anh M, đề ngày 07/7/2007 (ký hiệu A3); số 007989, biển số 60Y2-2139, đứng tên Trương Vũ T2, đề ngày 07/7/2007 (ký hiệu A4); số 007989, biển số 60Y3-2276, đứng tên Trương Vũ T2, đề ngày 07/7/2007 (ký hiệu A5); số 007989, biển số 60Y3-6596, đứng tên Trương Vũ T2, đề ngày 07/7/2007 (ký hiệu A6); số 007989, biển số 61L8-0379, đứng tên Trần

Thanh T3, đề ngày 04/9/2008 (ký hiệu A7) và 03 biển số xe 61L7-7612, kích thước 194mm x 143mm (ký hiệu A8); 60P6-6003, kích thước 194mm x 143mm (ký hiệu A9); 61L6-5236, kích thước 194mm x 143mm (ký hiệu A10), là thật hay giả (Quyết định số: 265/QĐ-ĐCSHS).

Tại Kết luận giám định số: 4219/KL-KTHS ngày 01 tháng 8 năm 2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

- «Đăng ký mô tô, xe máy» cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 là giả.
- Biển số xe cần giám định ký hiệu từ A8 đến A10 là giả.

Từ lời khai của Nguyễn Văn Q và Nguyễn Phước L, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 xác định người giúp Q bán 07 chiếc xe ba gác máy là Nguyễn Văn D (tên thường gọi là U), sinh năm 1983, đăng ký thường trú tại ấp NQ, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, con ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị C. Còn người bán 03 chiếc xe ba gác máy cho L là Phạm Hoài Ph, sinh năm 1985, đăng ký thường trú tại ấp D, xã TL, huyện BL, tỉnh Long An, nhưng đều đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Cùng ngày 29/8/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối với Dũng, Ph (Quyết định số: 40/QĐ- ĐCSHS, số: 41/QĐ-ĐCSHS). Còn người tên T hiện chưa xác định được lai lịch, ngày 24/10/2022, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm (Thông báo số: 4143). Khi nào bắt được các đối tượng này điều tra làm rõ giải quyết sau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 89/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A về tội «Trộm cắp tài sản» (Quyết định số: 102/QĐ-ĐCSHS, số: 103/QĐ-ĐCSHS, số: 104/QĐ-ĐCSHS).

Đối với hành vi làm giả 07 Giấy đăng ký xe ba gác biển số 61L7-7612, biển số 60P6-6003, biển số 61L6-5236, biển số 60Y2-2139, biển số 60Y3-2276, biển số 60Y3-6596, biển số 61L8-0379 và 03 biển số xe 61L7-7612, 60P6-6003, 61L6-5236. Ngày 24 tháng 10 năm 2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự «Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức» (Quyết định số: 08/QĐ-ĐCSHS) và tách ra giải quyết bằng vụ án khác cùng với các vật chứng trên (Quyết định tách vụ án hình sự; tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hinh sự số: 04/QĐ-ĐCSHS và số: 04A/QĐ-ĐCSHS cùng ngày 27/10/2022).

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKS-Q6 ngày 14 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A đều khai nhận chính các bị cáo vào khuya ngày 27/6/2022, đã cùng T 04 lần đột nhập vào bãi giữ xe của Ông Nguyễn Thanh S tại địa chỉ 130/18 đường NVL, Phường J, Quận F lấy trộm 07 chiếc xe ba gác máy (03 lần đầu, mỗi lần lấy 02 chiếc; lần

sau cùng lấy 01 chiếc và mỗi lần lấy cách nhau 45 phút) như nội dung bản cáo trạng nêu và các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Riêng số tiền 87.500.000 đồng bị thu giữ, trong đó có 69.000.000 đồng là tiền các bị cáo Đ, Anh, T được chia từ việc bán 07 chiếc xe ba gác máy, 1.500.000 đồng là tiền riêng của Đ. Còn 17.000.000 đồng là tiền riêng của T gửi Q và Q đưa cho Đức A cất giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A như bản cáo trạng, đồng thời đại diện Viện kiểm sát căn cứ khoản 2 Điều 107 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xác định trường hợp Nguyễn Văn Q bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 03 năm tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 144/2019/HS-ST ngày 23/7/2019) đã được đương nhiên xóa án tích, do đó bị cáo không có tiền án. Và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Ninh Thịnh Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Phạm Đức A từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A liên đới bồi thường cho Ông Nguyễn Thanh S số tiền 33.201.000 đồng (sau khi cấn trừ số tiền 69.000.000 đồng, là tiền các bị cáo có được từ việc bán 07 chiếc xe ba gác máy).

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max màu vàng, số máy: MLL83VN/A, số seri: D77434RRFW (thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Q); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, số máy: MWH72LL/A, số seri: F2LZFMTBN70L (thu giữ của bị cáo Ninh Thịnh Đ); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng, số máy: MT5C2LL/A, số seri: C39XNAJPKPHF (thu giữ của bị cáo Phạm Đức A); 02 chiếc xe ba gác máy màu xanh, không có biển số, không xác định được số khung, số máy nguyên thủy; 01 chiếc xe ba gác máy màu xanh, không có biển số, có số máy 162MK-2-1K002606, không xác định được số khung nguyên thủy.

Giao 01 chiếc xe gắn máy biển số 50N1-522.67, số máy: CGA1509009, số khung: RLSDL11ANJV108954 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu

Suzuki, số loại Raider, sơn màu Đen Đỏ, dung tích 147); 01 chiếc xe gắn máy biển số 59L3-134.40, số máy: JC35E0674301, số khung: RLHJC35087Y237224 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại Future, sơn màu Xanh Đen, dung tích 124) cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 để thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, nếu hết thời hạn thông báo mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu xám; 01 quần ngắn bằng vải màu xanh (trên lưng quần có chữ addidas); 01 áo thun ngắn tay màu đen, cổ tròn bằng vải; 01 áo thun ngắn tay màu đen, không có cổ (trên ngực áo bên trái có lô gô ghi chữ MANCHESTER); 01 quần thun dài màu đen (trên đùi phải có chữ addidas); 01 đèn pin có sọc xanh; 01 áo khoác dài tay màu xanh đen (trên ngực áo bên trái có hình lô gô ngôi sao kim loại); 01 đôi dép xốp màu đen, quai kẹp màu đỏ xanh; 01 nón bảo hiểm màu đỏ; 02 áo thun ngắn tay màu xám (trên ngực trái có chữ HADES ESSENTIALS); 01 quần short Jean màu xanh (túi sau bên phải có lô gô màu đỏ chữ DSQUARED2); 01 đôi dép xốp màu vàng (dạng dép tổ ong); 01 sim điện thoại số 0938621870; 01 sim điện thoại số 0762580061; 01 sim điện thoại số 0907446618.

Giao lại Ông Nguyễn Thanh S số tiền 69.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đang tạm giữ để cấn trừ tài sản bị thiệt hại.

Trả lại bị cáo Ninh Thịnh Đ số tiền 1.500.000 đồng.

Giao số tiền 17.000.000 đồng cho Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giữ để điều tra, làm rõ và xử lý sau, do có liên quan đến việc điều tra làm rõ hành vi của T.

Trả lại ông Nguyễn Phước L 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 8 Pro, màu xanh lá, Imei 1: 868368042095879, Imei 2: 868368042095887 (bên trong có 02 sim điện thoại số 0768192881, 0768948306).

Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A lấy trộm tài sản ngày 27/6/2022) do Ông Nguyễn Thanh S cung cấp và 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A), đều đã được niêm Ph (BL507, 508), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Đối với Nguyễn Phước L, là người có hành vi mua 03 chiếc xe ba gác máy từ Phạm Hoài Ph, nhưng hiện Ph đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, nên chưa đủ căn cứ để xử lý L về hành vi này. Ngày 29/8/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối với Ph, lúc nào bắt được đối tượng này điều tra làm rõ xử lý sau cùng với hành vi của L.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A đều nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera, Khám nghiệm hiện trường ngày 28/6/2022 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 59/KL-HĐĐGTS ngày 21/7/2022, số: 39/KL-HĐĐGTS ngày 06/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của bị hại Nguyễn Thanh S; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Phước L, Nguyễn Minh Ph, Trần Khải H, Nguyễn Văn Q, Trịnh T, Lý Văn Th, Hoặc Mạc T1 và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A đã phạm tội «Trộm cắp tài sản», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Với ý định phạm tội có từ trước, khuya ngày 27/6/2022, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A đã cùng một người tên T lén lút đột nhập vào bãi xe của Ông Nguyễn Thanh S tại địa chỉ 130/18 đường NVL, Phường J, Quận F lấy trộm 07 chiếc xe ba gác máy và theo định giá của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6 thì tổng trị giá của 07 chiếc xe này là 102.201.000 đồng. Hành vi của các bị cáo và T không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an xã hội. Trong vụ án này, theo lời khai của các bị cáo thì T là người chủ động rủ rê. Ngoài việc chuẩn bị phương tiện, dụng cụ bẻ khóa (xe gắn máy, cây tua vít, cây càng cua) và giúp sức tích cực cho bị cáo Q trong việc đấu nối dây điện các chiếc xe, còn là người bẻ khóa mở cửa và trực tiếp đột nhập vào bãi xe lấy trộm 04 chiếc xe ba gác; Bị cáo Q ngoài việc cùng T đột nhập vào bãi xe và trực tiếp lấy trộm 03 chiếc xe ba gác, bị cáo còn là người liên lạc với người tên U bán 07 chiếc xe này lấy tiền chia nhau tiêu xài; Các bị cáo Đ, A là đồng phạm, giữ vai trò giúp sức tích cực cho T, Q trong việc lấy trộm tài sản. Tuy nhiên, hiện T đã bỏ trốn nên Cơ quan

điều tra chưa ghi được lời khai của T để làm rõ tính tổ chức, làm rõ vai trò đồng phạm, cũng như sự phân công bàn bạc, sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo và T khi thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A về tội: «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng» theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A đều là những người đã trưởng T, các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút đột nhập vào bãi xe để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[3.1] Trong khoảng thời gian ngắn, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A đều xác nhận đã liên tiếp 04 lần thực hiện hành vi đột nhập vào bãi xe lấy trộm xe ba gác máy (mỗi lần trị giá tài sản bị chiếm đoạt đều trên hai triệu đồng). Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp «Phạm tội 02 lần trở lên» được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.2] Riêng bị cáo Nguyễn Văn Q, ngày 23/7/2019 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 03 năm tù về tội «Cướp giật tài sản». Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 107 của Bộ luật hình sự năm 2015, trường hợp của bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích, bởi từ khi chấp hành xong hình phạt tù (ngày 23/6/2021) cho đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới (ngày 27/6/2022) đã hơn 01 năm, do đó tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát xác định bị cáo không có tiền án là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A là nghiêm trọng, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ T khẩn khai báo. Riêng các bị cáo Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A phạm tội lần đầu (chưa có tiền án, tiền sự), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia của từng bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận một phần quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Thanh S vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra ông S yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A bồi thường cho ông 102.201.000 đồng, là số tiền mà ông đã bỏ ra để bồi thường trị giá 07 chiếc xe ba gác máy cho các ông Nguyễn Minh Ph, Trần Khải H, Nguyễn Văn Q, Trịnh T, Lý Văn Th, Hoặc Mạc T1 (theo Biên bản ghi lời khai ngày 05/6/2023 của Công an Quận 6). Xét yêu cầu của ông S là có cơ sở và các bị cáo cũng đồng ý liên đới bồi thường, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cấn trừ số tiền 69.000.000 đồng thu giữ của các bị cáo, còn lại các bị cáo phải bồi thường cho ông S 33.201.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày Ông Nguyễn Thanh S có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A còn phải trả Ông Nguyễn Thanh S khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Riêng các ông Nguyễn Minh Ph, Trần Khải H, Nguyễn Văn Q, Trịnh T, Lý Văn Th, Hoặc Mạc T1 (chủ sở hữu 07 chiếc xe ba gác máy) đều xác nhận đã giải quyết xong việc bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm (theo 05 Biên bản ghi lời khai cùng ngày 05/6/2023 của Công an Quận 6). Còn số tiền mà ông Nguyễn Phước L bỏ ra để mua 03 chiếc xe ba gác, ông L không yêu cầu giải quyết (theo Biên bản ghi lời khai ngày 01/7/2022 của Công an Quận 6), do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện mà các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max màu vàng, số máy: MLL83VN/A, số seri: D77434RRFW (thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Q); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, số máy: MWH72LL/A, số seri: F2LZFMTBN70L (thu giữ của bị cáo Ninh Thịnh Đ); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng, số máy: MT5C2LL/A, số seri: C39XNAJPKPHF (thu giữ của bị cáo Phạm Đức A), Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của

Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 50N1-522.67 thu giữ của bị cáo Ninh Thịnh Đ, theo Kết luận giám định số: 12924/KL-KTHS, ngày 27/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL242) và Phiếu trả lời xác minh ngày 22/8/2022 của Công an Quận 6 (BL405), chiếc xe này có số khung: RLSDL11ANJV108954, số máy: CGA1509009 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Suzuki, số loại Raider, sơn màu Đen Đỏ, dung tích 147), do ông Vũ Trung H đứng tên chủ xe. Quá trình điều tra, bị cáo Ninh Thịnh Đ khai mua chiếc xe này từ bà Nguyễn Ngọc Minh Ph (chủ cửa hàng xe máy MP) vào ngày 18/6/2022 với giá 34.000.000 đồng (theo Giấy bán xe ngày 18/6/2022 - BL395). Qua xác minh được biết, ông H đã bán chiếc xe cho ông Trần Minh Q vào ngày 11/5/2022 (có làm Hợp đồng ủy quyền được Công chứng viên Phòng công chứng ĐT chứng thực - BL352, 353). Sau khi mua xe, ông Q bán cho bà Nguyễn Ngọc Minh Ph và bà Ph đã bán chiếc xe lại cho bị cáo Đ như nêu trên. Cả ông Q, bà Ph đều xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này (theo hai Biên bản ghi lời khai cùng ngày 26/10/2022 của Công an Quận 6 - BL204, 207). Xét thấy chiếc xe gắn máy biển số 50N1-522.67 có giấy tờ, nguồn gốc hợp pháp, nên mặc dù bị cáo Đ chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, nhưng Hội đồng xét xử thấy đã có đủ cơ sở xác định bị cáo là người quản lý hợp pháp của chiếc xe và ngày 27/6/2022, bị cáo đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội, nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 59L3-134.40 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Q (bị cáo khai chiếc xe này là của Phạm Đức A đưa cho bị cáo để đi gặp U lấy tiền bán 07 chiếc xe ba gác máy). Theo Kết luận giám định số: 12925/KL-KTHS, ngày 27/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL241) và Phiếu trả lời xác minh ngày 22/8/2022 của Công an Quận 6 (BL404) thì chiếc xe này có số khung: RLHJC35087Y237224, số máy: JC35E0674301 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại Future, sơn màu Xanh Đen, dung tích 124), do ông Đặng Nhật Tr đứng tên chủ xe. Quá trình điều tra, ông Tr xác nhận chiếc xe gắn máy biển số 59L3-134.40 là xe của ông và ông đã bán lại cho người khác (do lâu quá nên ông không nhớ là ai, ở đâu), nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, ông Tr xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này (theo Biên bản ghi lời khai ngày 02/6/2023 của Công an Quận 6). Còn bị cáo Phạm Đức A xác nhận lời khai của bị cáo Q là đúng và khai chiếc xe gắn máy biển số 59L3-134.40 là xe của bị cáo mua từ một người đàn ông không rõ lai lịch ở huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 15.000.000 đồng (có cà vẹt xe nhưng bị cáo đã làm mất). Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy biển số 59L3-134.40 hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm

sát là giao chiếc xe cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 để thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm, nếu hết thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8.4] Đối với 03 chiếc xe ba gác máy màu xanh (01 chiếc gắn biển số giả 61L7-7612, 01 chiếc gắn biển số giả 60P6-6003, 01 chiếc gắn biển số giả 61L6-5236). Theo các Kết luận giám định số: 12921/KL-KTHS, số: 12922/KL-KTHS, số: 12923/KL-KTHS cùng ngày 27/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL238, 239, 240) thì 02 chiếc xe ba gác máy màu xanh (gắn biển số giả 61L7-7612 và 61L6-5236) không xác định được số khung, số máy nguyên thủy; còn chiếc xe ba gác máy màu xanh (gắn biển số giả 60P6-6003) có số máy 162MK-2-1K002606, không xác định được số khung nguyên thủy. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định 03 chiếc xe trên là tài sản cấm lưu hành (số khung, số máy bị mài, đục số), nên Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.5] Đối với 01 nón bảo hiểm màu xám; 01 quần ngắn bằng vải màu xanh, trên lưng quần có chữ addidas; 01 áo thun ngắn tay màu đen, cổ tròn bằng vải; 01 áo thun ngắn tay màu đen, không có cổ, trên ngực áo bên trái có lô gô ghi chữ MANCHESTER; 01 quần thun dài màu đen, trên đùi phải có chữ addidas; 01 đèn pin có sọc xanh; 01 áo khoác dài tay màu xanh đen, trên ngực áo bên trái có hình lô gô ngôi sao kim loại; 01 đôi dép xốp màu đen, quai kẹp màu đỏ xanh; 01 nón bảo hiểm màu đỏ; 02 áo thun ngắn tay màu xám, trên ngực trái có chữ HADES ESSENTIALS; 01 quần short Jean màu xanh, túi sau bên phải có lô gô màu đỏ chữ DSQUARED2; 01 đôi dép xốp màu vàng, dạng dép tổ ong (là trang phục mà Q, Đ cùng đồng bọn mặc lúc lấy trộm tài sản); 01 sim điện thoại số 0938621870 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max màu vàng); 01 sim điện thoại số 0762580061 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max); 01 sim điện thoại số 0907446618 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.6] Giao lại ông Nguyễn Thanh S số tiền 69.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra đang tạm giữ để cấn trừ tài sản bị thiệt hại.

[8.7] Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 8 Pro, màu xanh lá, Imei 1: 868368042095879, Imei 2: 868368042095887 (bên trong có 02 sim điện thoại số 0768192881, 0768948306) thu giữ của ông Nguyễn Phước L và số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Ninh Thịnh Đ. Tại phiên tòa, đại

diện Viện kiểm sát đề nghị trả điện thoại lại cho ông L vì chiếc điện thoại này là tài sản hợp pháp của ông L; trả tiền lại cho bị cáo Đ vì không đủ căn cứ xác định do bị cáo phạm tội mà có. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy cần tạm giữ số tiền 1.500.000 đồng của bị cáo Đ để đảm bảo nghĩa vụ của bị cáo.

[8.8] Đối với số tiền 17.000.000 đồng, tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Đức A đều khai là tiền của T gửi. Xét thấy số tiền này có liên quan đến việc điều tra làm rõ hành vi của T mà T hiện đã bỏ trốn, nên Hội đồng xét xử giao lại cho Công an Quận 6 giữ để điều tra và xử lý sau khi bắt được T.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 78/PNK ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 33/QĐ-VKS-Q6 ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[8.9] Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A lấy trộm tài sản ngày 27/6/2022) do ông Nguyễn Thanh S cung cấp và 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A), đều đã được niêm Ph (BL507, 508), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với những người tên T, Nguyễn Văn D, Phạm Hoài Ph, hiện đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Cũng chính vì vậy mà chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý Nguyễn Phước L về hành vi mua 03 chiếc xe ba gác máy từ Phạm Hoài Ph. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã ra thông báo truy tìm đối với T, D, Ph và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào bắt được các đối tượng này điều tra làm rõ xử lý sau cùng với hành vi của Nguyễn Phước L, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Đối với hành vi làm giả 07 Giấy đăng ký xe ba gác biển số 61L7-7612, biển số 60P6-6003, biển số 61L6-5236, biển số 60Y2-2139, biển số 60Y3-2276, biển số 60Y3-6596, biển số 61L8-0379 và 03 biển số xe 61L7-7612, 60P6-6003, 61L6-5236, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã khởi tố và tách ra giải quyết bằng vụ án khác, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[11] Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn Q** (BG), **Ninh Thịnh Đ** (BĐ), **Phạm Đức A** phạm tội: «Trộm cắp tài sản».

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Q** (BG) 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 03/8/2022.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Ninh Thịnh Đ** (BĐ) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 03/8/2022.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Đức A** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 03/8/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A liên đới bồi thường cho Ông Nguyễn Thanh S 33.201.000 (ba mươi ba triệu hai trăm lẻ một ngàn) đồng. Cụ thể:

. Bị cáo Nguyễn Văn Q bồi thường 11.067.000 (mười một triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

. Bị cáo Ninh Thịnh Đ bồi thường 11.067.000 (mười một triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

. Bị cáo Phạm Đức A bồi thường 11.067.000 (mười một triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh S có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A còn phải trả ông Nguyễn Thanh S khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 50N1-522.67, số máy: CGA1509009, số khung: RLSDL11ANJV108954 (loại xe

hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Suzuki, số loại Raider, sơn màu Đen Đỏ, dung tích 147); 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max màu vàng, số máy: MLL83VN/A, số seri: D77434RRFW; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, số máy: MWH72LL/A, số seri: F2LZFMTBN70L; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng, số máy: MT5C2LL/A, số seri: C39XNAJPKPHF; 02 (hai) chiếc xe ba gác máy màu xanh, không có biển số, không xác định được số khung, số máy nguyên thủy; 01 (một) chiếc xe ba gác máy màu xanh, không có biển số, có số máy 162MK-2-1K002606, không xác định được số khung nguyên thủy.

Giao Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 59L3-134.40, số máy: JC35E0674301, số khung: RLHJC35087Y237224 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại Future, sơn màu Xanh Đen, dung tích 124) để thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm. Nếu hết thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) nón bảo hiểm màu xám; 01 (một) quần ngắn bằng vải màu xanh (trên lưng quần có chữ addidas); 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen, cổ tròn bằng vải; 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen, không có cổ (trên ngực áo bên trái có lô gô ghi chữ MANCHESTER); 01 (một) quần thun dài màu đen (trên đùi phải có chữ addidas); 01 (một) đèn pin có sọc xanh; 01 (một) áo khoác dài tay màu xanh đen (trên ngực áo bên trái có hình lô gô ngôi sao kim loại); 01 (một) đôi dép xốp màu đen, quai kẹp màu đỏ xanh; 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ; 02 (hai) áo thun ngắn tay màu xám (trên ngực trái có chữ HADES ESSENTIALS); 01 (một) quần short Jean màu xanh (túi sau bên phải có lô gô màu đỏ chữ DSQUARED2); 01 (một) đôi dép xốp màu vàng (dạng dép tổ ong); 01 (một) sim điện thoại số 0938621870; 01 (một) sim điện thoại số 0762580061; 01 (một) sim điện thoại số 0907446618.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Giao lại ông Nguyễn Thanh S 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng để cấn trừ tài sản bị thiệt hại.

Trả lại bị cáo Ninh Thịnh Đ 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ của bị cáo.

Giao 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng cho Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giữ để điều tra, làm rõ và xử lý sau, do có liên quan đến việc điều tra làm rõ hành vi của T.

Trả lại ông Nguyễn Phước L 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 8 Pro, màu xanh lá, số Imei 1: 868368042095879, số Imei 2: 868368042095887, bên trong có 02 (hai) sim điện thoại số 0768192881, 0768948306.

(theo Giấy nộp tiền ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 553.350 (năm trăm năm mươi ba ngàn ba trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Ninh Thịnh Đ phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 553.350 (năm trăm năm mươi ba ngàn ba trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Đức A phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 553.350 (năm trăm năm mươi ba ngàn ba trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Ninh Thịnh Đ, Phạm Đức A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Nguyễn Thanh S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống Đ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên